TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-PT
Ngày: 23-9-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Hòa

Các thẩm phán: Bà Đỗ Thu Hương

Bà Phạm Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Thùy Dung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc*: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2025; Quyết định sửa chữa quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2025/QĐ-SCBSQĐ ngày 03/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Vũ Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: số nhà 48, tổ dân phố 05, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là số nhà 336, T, phường Đ, tỉnh Điện Biên) - có mặt.

2. Bị đơn: ông Phạm Thế A, sinh năm 1990; địa chỉ: đội 06, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là bản N 1, phường M, tỉnh Điện Biên) - có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Bùi Đình M, Luật sư Văn phòng luật sư Phùng Việt H, Đoàn luật sư tỉnh Điện Biên - địa chỉ: số nhà 29, tổ dân phố 05, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (nay là phường Đ, tỉnh Điện Biên) - có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Phan Văn H, sinh năm 1961; địa chỉ: thôn 9, V, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là xã T, tỉnh Lào Cai) - vắng mặt.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Phạm Thế A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2024 và trong quá trình tố tụng tại Toà án cấp sơ thẩm nguyên đơn bà Vũ Thị N trình bày:

Ngày 06/8/2018 Công ty TNHH Đ Đ- Điện Biên và Xưởng sửa chữa máy công trình TA (nay là Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ TIME ACE) tiến hành ký kết hợp đồng sửa chữa máy công trình là máy xúc KAMATSU PC 200-7, với đại diện (bên A) Công ty TNHH Đ Đlà bà Vũ Thị N và đại diện (bên B) là chủ xưởng ông Phạm Thế A; giá trị hợp đồng là 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng). Nội dung chi tiết phần công việc phải thay thế, sửa chữa được quy định tại Điều 1 của hợp đồng. Thực hiện cam kết thanh toán tại hợp đồng đã ký. Ngày 08/8/2018 Công ty TNHH Đ Đđã chuyển tiền vào tài khoản số: 3210205170852 Ngân hàng NN và PTNT Chi nhánh Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định cho chủ tài khoản là ông Phạm Thế A. Hình thức giao dịch bằng Giấy nộp tiền tại Ngân hàng Viet-inbank Điện Biên, người nộp tiền Bùi Thị Nguyệt, nội dung: "Bùi Thị N chuyển tiền phụ tùng + sửa chữa máy xúc công trình MP".

Sau khi nhận tiền của Công ty TNHH Đ Đ, ông Phạm Thế A không thực hiện hợp đồng sửa chữa, thay thế máy xúc cho Công ty. Số tiền thanh toán mà Công ty đã chuyển là 110.000.000 đồng chưa được ông Phạm Thế A trả lại cho Công ty Đ Đ. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thế A phải trả cho Công ty TNHH Đ Đ số tiền gốc là 110.000.000 đồng, tiền lãi từ tháng 8/2018 đến tháng 6/2024 là 77.000.000 đồng, tổng số tiền cả gốc và lãi là 187.000.000đ (một trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Tại phiên tòa ngày 24/02/2025, bà Vũ Thị N cho rằng bản hợp đồng ngày 03/7/2018 mà ông Phạm Thế A ký với ông Phan Văn H (giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Đ Đ) là hợp đồng giả. Bởi vì chữ ký của ông H trong bản hợp đồng ngày 03/7/2018 là chữ ký bằng con dấu không phải là chữ ký sống, trang thứ 3 và trang thứ 4 không có chữ ký nháy. Bà N cho rằng thời điểm đó do Bà N tin tưởng kế toán là Bùi Thị N nên đã giao toàn bộ giấy tờ và con dấu cho Bùi Thị N quản lý nên N đã cấu kết cùng với Phạm Thế A làm hại bà Ngợi. Còn bản hợp đồng ngày 03/7/2018 Bà N cho rằng đã cho Phạm Thế A tạm ứng trước tiền mua phụ tùng là 100% bằng 97 triệu đồng (có giấy nộp tiền ngày 04/7/2018). Theo bản hợp đồng ngày 06/8/2018 Bùi Thị N đã chuyển cho Phạm Thế A tạm ứng trước số tiền là 110.000.000 đồng (có giấy nộp tiền ngày 08/8/2018) nhưng do ông Phạm Thế A không thực hiện hợp đồng và không trả lại tiền cho Bà N nên Bà N mới làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các nội dung trên, tại phiên tòa phúc thẩm, Bà N khai: Thời điểm tháng 7 và tháng 8 năm 2018 bà là Giám đốc của doanh nghiệp tư nhân Đ Đ, mọi giao

dịch trong các hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp đều do bà trực tiếp chỉ đạo và ký kết. Cả hai lần ký hợp đồng sửa máy xúc với ông Phạm Thế A, DNTN Đ Đlà bên soạn thảo hợp đồng bằng máy vi tính, đại diện bên A là bà Vũ Thị N ký với tư cách là Giám đốc doanh nghiệp; Hợp đồng sửa chữa máy xúc ở MP cũng được DNTN Đ Đsoạn thảo hợp đồng bằng máy vi tính rồi chuyển cho ông TA ký, không có lần sửa chữa máy xúc nào do bên TA soạn thảo hợp đồng. Do ông TA không thực hiện sửa chữa máy xúc ở MP nên Bà N đã hợp đồng với ông K ở Lai Châu về sửa, tuy nhiên hợp đồng sửa máy ký với ông K và các chứng từ thanh toán hiện Bà N không lưu giữ nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 06/9/2024 bị đơn ông Phạm Thế A trình bày:

Năm 2018 ông có nhận sửa chữa 01 máy xúc đào Komatsu PC200-7 tại MP của Công ty Đ Đ. Trước khi sửa chữa hai bên đã kiểm tra máy và thống nhất tháo dỡ những bộ phận bị hỏng, cần thay thế, sau đó hai bên làm hợp đồng sửa chữa và cùng ký kết hợp đồng. Ông Phạm Thế A yêu cầu ứng trước tiền mua vật tư, Bà N đồng ý và đã chuyển tiền cho ông A để mua vật tư. Trong quá trình sửa chữa không xảy ra tranh chấp gì, đến ngày ông A hoàn thiện xong và chuẩn bị lắp lên máy thì Bà N yêu cầu mở các chi tiết bên trong bơm tổng và ngăn kéo ra để mời những người có chuyên môn đến kiểm tra xem sửa chữa có đúng như trong hợp đồng đã cam kết không. Ông A đã đồng ý cho Bà N mời các chuyên gia đến kiểm tra, xác minh về nội dung sửa chữa như trên. Sau khi các bên chuyên gia giám định xong và không thấy làm sai hợp đồng thì Bà N lại gọi đội sửa chữa khác lắp ráp hoàn thiện trên máy, không cho ông A làm nữa, vì lý do ông A ép Bà N phải thanh toán khoản nợ trước đó là 30 triệu đồng và đợt sau nữa nhưng Bà N không đồng ý, rồi đơn phương chấm dứt hợp đồng. Hiện tại Bà N vẫn đang còn nợ ông A tiền sửa chữa các máy khác.

Tại phiên tòa ngày 27/12/2024 ông Phạm Thế A không đồng ý trả số tiền gốc là 110.000.000 đồng cho bà Ngợi. Bởi vì ông đã sửa chữa máy cho bà Ngợi, còn số tiền lãi Phạm Thế A không đồng ý trả vì không có trong hợp đồng.

Tại phiên tòa ngày 24/02/2025 ông Phạm Thế A không đồng ý trả số tiền 110.000.000 đồng cho bà Ngợi, vì cho rằng số tiền này bà Bùi Thị N chuyển cho ông ngày 08/8/2018 là tiền đã sửa chữa máy xúc xong theo hợp đồng ngày 03/7/2018, còn bản hợp đồng ngày 06/8/2018 là hợp đồng giả. Ông Phạm Thế A khẳng định không ký hợp đồng sửa chữa máy xúc với Bà N ngày 06/8/2018 mà chỉ ký hợp đồng sửa chữa ngày 03/7/2018 với ông Phan Văn H và đã thanh toán xong với Công ty Đ Đ vì thời điểm đó ông Phan Văn H đang là giám đốc của Công ty Đ Đ nên bản hợp đồng sửa chữa ngày 06/8/2018 là hợp đồng giả.

Tại cấp phúc thẩm, ông Phạm Thế A khai: vào thời điểm ký Hợp đồng sửa chữa với doanh nghiệp Đ Đ, ông A chưa đăng ký kinh doanh, chỉ nhận sửa chữa với tư cách cá nhân, tên xưởng TA là do ông tự đặt. Đến năm 2021 ông mới đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh là sửa chữa máy công trình. Năm 2018, ông nhiều lần sửa chữa máy cho doanh nghiệp Đ Đ nhưng chỉ có 02 lần làm hợp đồng sửa chữa, cụ thể:

- Lần 1: ngày 03/7/2018 sửa chữa các bộ phận của máy xúc Komatsu PC 200-7 tại Nà Hỵ với tổng giá trị là 117.500.000 đồng, doanh nghiệp Đ Đ đã trả trước số tiền 97.500.000 đồng, đã sửa chữa xong, đã được ông Trần Hưng N là Phó Giám đốc doanh nghiệp Đ Đ nghiệm thu, có biên bản nghiệm thu, nhưng biên bản này doanh nghiệp Đ Đ lưu giữ.

- Lần 2: ngày 19/8/2018, sửa chữa các bộ phận của máy xúc Komatsu PC 200-7 tại MP với tổng giá trị là 134.800.000 đồng, doanh nghiệp Đ Đđã ứng trước số tiền 110.000.000 đồng, sau khi sửa chữa xong ông A yêu cầu doanh nghiệp Đ Đthanh toán nốt số tiền sửa máy trong N (máy PC200-7 và các máy lu nhưng không làm hợp đồng) là hơn 30 triệu đồng, nhưng Bà N không đồng ý trả và yêu cầu ông A mang các bộ phận của máy xúc Komatsu PC 200-7 tại MP đã sửa chữa xong lên doanh nghiệp Đ Đ để nghiệm thu. Ông A đã mang lên bàn giao cho anh Trần Hưng N tại doanh nghiệp Đ Đ nhưng không lập biên bản bàn giao.

Hai lần thanh toán đối với 02 Hợp đồng trên đều được Bà N chuyển khoản qua số tài khoản của ông Anh. 02 lần ký Hợp đồng sửa chữa với doanh nghiệp Đ Đ, ông A trực tiếp làm việc với ông Trần Hưng N và ông Phan Văn H; các Hợp đồng sửa chữa là do ông A ký với ông Phan Văn H (Giám đốc doanh nghiệp Đ Đ). Sau này khi ông A đề nghị thanh toán các khoản tiền còn thiếu, ông N bảo gọi cho Bà N để lấy tiền.

Ông Phạm Thế A không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N, vì cho rằng bản Hợp đồng ngày 06/8/2025 Bà N nộp lên Tòa án là Hợp đồng giả, là hợp đồng nháp ông A gửi cho ông Trần Hưng N với mục đích để hai bên xem xét, thống nhất sửa chữa, tuy nhiên ông N không đồng ý và yêu cầu ký vào Hợp đồng do doanh nghiệp Đ Đsoạn thảo, ông A đã nộp Hợp đồng đó cho Tòa án cấp sơ thẩm.

Ngoài ra, ông A cho rằng Bà N trình bày Hợp đồng sửa chữa ngày 06/8/2018 là Hợp đồng thỏa thuận sửa chữa máy xúc PC200-7 tại MP giữa ông A và Bà N là không đúng sự thật, trong Hợp đồng này Bà N đã tự ý viết thêm các nội dung về ngày tháng năm, đại diện bên A và chữ ký, con dấu của bà Vũ Thị N. Thực chất Hợp đồng này là hợp đồng nháp ông A soạn thảo gửi cho Công ty Đ Đđể thỏa thuận về việc sữa chữa máy xúc PC200-7 tại N. Sau này Công ty Đ Đ, đại diện công ty là Giám đốc ông Phan Văn H đã soạn thảo và gửi lại cho ông A ký tại hợp đồng ngày 03/7/2018.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2024 người làm chứng là ông Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn H đều trình trình bày:

Tháng 8/2018 ông H và ông H là nhân viên sửa chữa cho xưởng sửa chữa do ông Phạm Thế A làm chủ. Thời điểm đó, 2 ông nhận sự chỉ đạo sửa chữa 01 máy xúc đào Komatsu PC200-7 của Công ty Đ Đdo bà Vũ Thị N làm giám đốc.

Các hạng mục cụ thể: Phần ngăn kéo: Gia công lại toàn bộ van và con suốt ngăn kéo; Phần bơm thủy lực: Thay thế xy lanh mặt chà 2 bộ, thay thế gối chao 2 bộ, thay thế pisston secvor 2 bộ, mạ lại 2 bộ ruột; Phần quay toa: Gia công lại xy

lanh mặt chà và làm lại van. Và thay phớt bơm, phớt ngăn kéo, phớt quay toa, 2 bộ pisston bơm, 2 đĩa lỗ, bộ séc măng.

Ông H và ông H khẳng định có thay thế và sửa chữa những hạng mục trên, khi hoàn thiện lắp ráp xong máy đã được đưa đến Công ty Đ Đđể Bà N cho người làm giám định về mặt kỹ thuật kiểm tra và sau đó Bà N tự ý thuê bên khác lắp lên máy. Còn về giá cả thì không nắm được do ông Phạm Thế A và bà Vũ Thị N thỏa thuận với nhau.

Tại Bản tự khai ngày 13/03/2025, ngày 04/6/2025 và Giấy chứng nhận ngày 02/01/2025 của người làm chứng là ông Lê Tấn D trình trình bày:

Thời điểm khoảng cuối năm 2018, ông D có nhận cuộc điện thoại nhờ trực tiếp xuống Công ty Đ Đđể tháo dỡ kiểm tra những bộ phận chi tiết của bơm thủy lực máy xúc Komatsu PC200-7, thời điểm đó ông D đang phụ trách xưởng gara ô tô P, địa chỉ: tổ 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, lúc đến Công ty Đ Đ kiểm tra thì thấy bơm đã được bảo dưỡng và hoàn thiện, chưa lắp ráp vào máy xúc Komatsu PC200-7; trong lúc mở kiểm tra ông D thấy gioăng, phớt đều mới, 02 bộ ruột bơm là hàng cũ đã qua sử dụng còn dùng tốt nên lắp lại hoàn thành bản tổng và giao lại cho công ty Đ Đ. Bộ phận quay toa, bơm thủy lực, trong quá trình kiểm tra thấy đã được sửa chữa, bảo dưỡng hoạt động tốt nên lắp lại hoàn chỉnh và giao cho Công ty.

Ông D khẳng định tại thời điểm kiểm tra bơm thủy lực, quay toa của máy xúc Komatsu PC200-7 hoạt động tốt; ông D còn được Bà N cho xem hợp đồng sửa chữa máy xúc Komatsu PC200-7 giữa Công ty Đ Đvới Xưởng máy Thế Anh.

Tại Bản tự khai và Giấy chứng nhận ngày 02/01/2025 của người làm chứng ông Lê Minh T trình trình bày:

Thời điểm cuối năm 2018, ông T đi theo ông Phong xuống công ty Đ Đđể tháo kiểm tra những bộ phận chi tiết của máy xúc Komatsu PC200-7. Qua kiểm tra thấy máy đã bảo dưỡng hoàn thiện đang còn niêm phong và người của Công ty Đ Đ nhờ ông T mở niêm phong để kiểm tra bộ phận quay toa, bơm thủy lực. Trong quá trình kiểm tra ông T thấy quay toa và bơm thủy lực đã được sửa chữa, hoạt động tốt nên lắp lại hoàn thiện và giao lại cho công ty. Tham gia kiểm tra cùng ông T còn có anh Lê Tấn D phụ trách xưởng gara ô tô Trực Phong, địa chỉ: tổ 1, phường H, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Ông T khẳng định tại thời điểm kiểm tra bơm thủy lực, quay toa của máy xúc Komatsu PC200-7 hoạt động tốt.

Tại Giấy xác nhận sự việc ngày 19/02/2025 và Bản tự khai ngày 15/3/2025 của người làm chứng là bà Bùi Thị N trình bày:

Tháng 8 năm 2018 bà Ngđang làm kế toán cho doanh nghiệp tư nhân Đ Đ, theo sự chỉ đạo của bà Vũ Thị N, bà Ngđã chuyển tiền mua phụ tùng sửa chữa máy xúc Komatsu PC200-7 cho ông Phạm Thế A số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng), bà Ngđã chuyển đủ; thời điểm đó bà Ngthấy ông Phạm Thế A có mang máy lên bàn giao tại xưởng của doanh nghiệp tư nhân Đ Đ. Ngoài ra thời điểm đó bà Ngcũng không được chỉ đạo chuyển tiền cho đơn vị nào khác sửa máy.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên quyết định:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 235; Điều 264 và Điều 267/BLTTDS năm 2015;

- Căn cứ các Điều 357, 513, 516, 517 và 520/Bộ luật dân sự 2015;

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 147/BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị N, buộc bị đơn ông Phạm Thế A phải hoàn trả toàn bộ số tiền ứng trước là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) cho bà Vũ Thị N;

- Ông Phạm Thế A phải trả số tiền lãi cho bà Vũ Thị N là: 77.000.000đ (bảy mươi bảy triệu đồng).

- Ông Phạm Thế A phải trả số tiền gốc và tiền lãi cho bà Vũ Thị N tổng cộng số tiền là: 187.000.000đ (một trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bà Vũ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phạm Thế A không tự nguyện thi hành đối với khoản phải thanh toán cho Bà N thì ông A phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Phạm Thế A phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 9.350.000đ (chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Bà N không phải chịu án phí DSST có giá ngạch, Bà N được trả lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí DSST là 3.750.000 đồng theo biên lai số: 0000252 ngày 08/7/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và việc thi hành án dân sự.

Ngày 13/6/2025, ông Phạm Thế A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên sửa bản án sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 10/6/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 – Điện Biên) theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm:

- Công nhận hợp đồng sửa chữa máy ngày 19/8/2018 giữa Doanh nghiệp tư nhân Đ Đ với Xưởng điện thủy lực máy công trình TA.

- Buộc bà Vũ Thị N thanh toán tiền công sửa chữa 02 máy xúc Komatsu PC002-7 (01 máy tại N, 01 máy tại MP) còn nợ là 45.700.000 đồng và 9.250.000 đồng tiền công sửa máy Lu tĩnh trong N. Tổng công nợ là: 54.950.000 đồng; yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng tính từ tháng 9/2018 đến tháng 6/2025 là 45.059.000

đồng. Tổng số tiền yêu cầu Bà N phải trả là: 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Buộc bà Vũ Thị N thanh toán cho ông Phạm Thế A các chi phí trong thời gian tham gia tố tụng phục vụ việc khởi kiện của bà Ngợi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục luật định khi giải quyết vụ án. Các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cơ bản đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Kháng cáo của bị đơn ông Phạm Thế A là đúng thời hạn quy định tại Điều 273 BLTTDS và có đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 272 BLTTDS nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn (bà N) cung cấp hợp đồng ngày 06/8/2018 giữa bà là giám đốc và anh Phạm Thế A đồng thời khẳng định việc bị đơn nhận tiền nhưng không sửa chữa nên bà phải thuê sửa chữa máy ở nơi khác là không có căn cứ, bởi lẽ: Bị đơn khẳng định nội dung hợp đồng nguyên đơn cung cấp không rõ ràng, gạch xóa và ghi thêm vì đó là hợp đồng dự thảo. Sau khi thống nhất lại đã ký kết hợp đồng chính thức ngày 19/8/2018 và đã nhận khoản tiền 110 triệu đồng do Công ty chuyển và thực hiện nhập linh kiện, phụ tùng và sửa chữa, thay thế các hạng mục đối với máy Komatsu PC200-7 của Công ty. Mặt khác, những người làm chứng đã khẳng định bị đơn đã thực hiện hợp đồng vì họ đã cùng tiến hành sửa chữa; được kiểm tra thiết bị máy sau khi sửa đã hoạt động tốt; kế toán khẳng định chỉ chuyển 110 triệu để sửa máy cho bị đơn, ngoài ra không chuyển tiền sửa chữa cho đơn vị nào khác; các chứng từ, biên nhận bị đơn đã cung cấp thể hiện việc sử dụng số tiền nhận được từ Doanh nghiệp để mua phụ tùng, thiết bị thay thế sửa chữa máy. Từ đó thể hiện rõ bị đơn đã sửa chữa máy đúng theo hợp đồng đã ký với Công ty Đ Đ là có căn cứ. Như vậy, bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng hợp pháp với Công ty Đ Đ. Theo hợp đồng Công ty còn nợ khoản tiền 24,8 triệu đồng chưa thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét. Việc nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng là không có cơ sở. Mặc dù Toà án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án có vi phạm như đã nêu trên, nhưng trong quá trình giải quyết cấp phúc thẩm đã tiến hành thu thập, bổ sung các tài liệu, chứng cứ, đủ căn cứ để giải quyết với vụ án. Để đảm bảo việc giải quyết vụ án hiệu quả tránh kéo dài thời gian. Xét thấy, không cần thiết phải huỷ đối với bản án sơ thẩm. Kiểm sát viên đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phạm Thế A. Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 10/6/2025 của TAND huyện Đ như sau: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị N; Sửa án phí sơ thẩm: Nguyên đơn Vũ Thị N phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 9.350.000 đồng nhưng được miễn do là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí;.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồsơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, người đại diện của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1].Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ tại đội 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dịch vụ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ngày 10/6/2025, Tòa án nhân dân huyện Đ tuyên bản án sơ thẩm, ngày 13/6/2025 bị đơn Phạm Thế A nộp đơn kháng cáo. Căn cứ quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo của bị đơn là hợp lệ được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Tranh chấp giữa bà Vũ Thị N và ông Phạm Thế A được xác định là "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ". Hợp đồng được xác lập năm 2018.

Căn cứ quy định tại Điều 429 của BLDS, thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Tuy nhiên, từ khi Toà án thụ lý vụ án đến trước khi Toà án sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án, bị đơn không yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án cấp sơ thẩm vẫn giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[4] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, ông Phạm Thế A yêu cầu Toà án triệu tập lấy lời khai, đối chất với những người làm chứng ông Phan Văn H, ông Trần Hưng N, Trần Ngọc L, Bùi Thị Ng. Toà án đã gửi giấy triệu tập cho những người này theo địa chỉ ông A cung cấp, tuy nhiên ông H, ông N đã thay đổi địa chỉ nên không giao được giấy, những người khác không đến Toà án làm việc. Xét thấy những người làm chứng này đều đã và đang là nhân viên của DNTN Đ Đ nên họ có phần e ngại đến Toà làm chứng. Vì vậy Toà án căn cứ vào các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án để xem xét, đánh giá.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Bị đơn ông Phạm Thế A kháng cáo cho rằng đã thực hiện xong việc sửa chữa máy xúc ở công trình MP cho DNTN Đ Đtheo Hợp đồng sửa chữa ngày 03/7/2018. Ông TA bác bỏ giá trị pháp lý của Hợp đồng sửa chữa ngày 06/8/2018 do Bà N cung cấp để khởi kiện.

Nguyên đơn Bà N cho rằng HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA ngày 06/8/2028 được ký giữa bà Vũ Thị N (giám đốc Doanh nghiệp tư nhân Đ Đ) với ông Phạm Thế A để sửa chữa máy xúc Komatsu PC200-7 ở công trình MP, chưa được ông A thực hiện.

*** Xét HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA ngày 06/8/2018 (BL 112-117)** do Bà N cung cấp bản gốc, thấy rằng bản hợp đồng này do bên TA soạn thảo mẫu, các thông tin trong hợp đồng được bỏ trống để điền tay; hợp đồng này đã được viết nội dung nhưng có nhiều kiểu chữ khác nhau và nhiều màu mực khác nhau, trong đó có một số chỗ ở trang 2 được viết thêm bằng bút mực màu đỏ (Bà N khai đó là chữ viết thêm của bà); tại khoản 2,3 điều 7 (trang 4), khoản 6 điều 8 (trang 5), khoản 3,4,5 điều 10 (trang 6) bị gạch xoá => Bản Hợp đồng này là tài liệu, chứng cứ mà Bà N sử dụng để làm căn cứ khởi kiện.

Đối chiếu với bản **HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA** không ghi ngày tháng, không ghi thông tin bên A, không có chữ ký và đóng dấu của bên A **(BL 126-131)** do ông TA cung cấp bản gốc, thấy rằng bản hợp đồng này do bên TA soạn thảo mẫu, các thông tin trong hợp đồng được bỏ trống để điền tay; hợp đồng này có nội dung hoàn toàn trùng khớp với bản hợp đồng Bà N cung cấp cho Toà án nêu trên về: thông tin Bên B; Điều 1 (đối tượng hợp đồng), Điều 2 (yêu cầu chất lượng sản phẩm) và các điều khác.

Nội dung cả hai Hợp đồng sửa chữa nêu trên, có nội dung các điều khoản hoàn toàn trùng khớp với **HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA ngày 03/7/2017 (BL 138-141; 165-168)** do ông TA cung cấp cho Toà án. Bản hợp đồng này do DNTN Đ Đsoạn thảo bằng máy tính, toàn bộ nội dung của hợp đồng đã được soạn sẵn (không có chỗ nào bỏ trống để viết tay trực tiếp); hợp đồng được ký giữa: Bên A là Doanh nghiệp tư nhân Đ Đ, đại diện là ông Phan Văn H, chức vụ: Giám đốc với Bên B là ông Phạm Thế A.

Cả 03 hợp đồng trên hoàn toàn trùng khớp với nhau về: Tên loại máy cần sửa chữa là KOMATSU PC200-7; trùng khớp về số lượng, đơn giá của những bộ phận hỏng cần sửa chữa, phục hồi, những bộ phần cần thay thế phụ tùng, tiền công, tổng cộng thành tiền tất cả các khoản.

Chứng cứ chứng minh số tiền để thực hiện hợp đồng này là: Giấy nộp tiền ngày 04/7/2018 (chuyển qua Ngân hàng Agribank) có nội dung *Bùi Thị N - DNTN Đ Đchuyển số tiền 97.500.000 đồng cho Phạm Thế A để lấy phụ tùng chữa máy xúc 200-7 hợp đồng 3/7/2018.*

Quá trình giải quyết vụ án, Bà N cho rằng khoản tiền 97.500.000 đồng là sửa chữa máy Komatsu PC200-7 ở công trình N – P do ông TA đã sửa chữa tháng 7/2018, hai bên đã thực hiện xong, không còn tranh chấp gì. Ông Phạm Thế A cho rằng việc sửa chữa máy xúc ở công trình N được hai bên thực hiện theo Hợp đồng ngày 03/7/2018. Bà N không công nhận Hợp đồng sửa chữa ngày 03/7/2018, bà cho rằng đây là hợp đồng giả.

Tại văn bản số: 47/ĐKKD ngày 16/9/2025 Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Tài chính tỉnh Điện Biên đã cung cấp thông tin: Thời điểm từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2018 Công ty TNHH Đ ĐĐiện Biên có tên Doanh nghiệp là: Doanh nghiệp tư nhân Đ Đ; người đại diện theo pháp luật từ ngày 11/4/2017 đến ngày 12/12/2018 là ông Phan Văn H.

Tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp doanh nghiệp tư nhân, do Phòng Đăng ký kinh doanh cung cấp, thể hiện: Doanh nghiệp tư nhân Đ Đđăng ký lần đầu ngày 31/01/2005; đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 11/4/2017; chủ doanh nghiệp là: Phan Văn H.

Tại phiên toà phúc thẩm Bà N khai: *Cả hai lần ký hợp đồng sửa máy xúc với ông Phạm Thế A, DNTN Đ Đlà bên soạn thảo hợp đồng bằng máy vi tính, đại diện bên A là bà Vũ Thị N ký với tư cách Giám đốc doanh nghiệp; Hợp đồng sửa chữa máy xúc ở MP cũng được DNTN Đ Đsoạn thảo bằng máy vi tính rồi chuyển cho ông TA ký, không có giao dịch nào do bên TA soạn thảo hợp đồng*.

Lời khai này của Bà N phù hợp với HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA ngày 03/7/2018 và 19/8/2018, hai hợp đồng này đều do DNTN Đ Đsoạn thảo bằng máy vi tính. Nhưng chính lời khai này của Bà N lại mâu thuẫn với chứng cứ bà cung cấp cho Toà án làm căn cứ khởi kiện, đó là bản HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA ngày 06/8/2018, do bên TA soạn thảo mẫu để các bên trực tiếp viết tay các thông tin cần thoả thuận.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định thời điểm tháng 7 và tháng 8 năm 2018 ông Phan Văn H đang là Người đại diệp theo pháp luật/Giám đốc của Doanh nghiệp tư nhân Đ Đ, do đó Hợp đồng sửa chữa máy xúc ngày 03/7/2018 và 19/8/2018 giữa DNTN Đ Đdo ông Phan Văn H ký tên (đóng dấu ký doanh nghiệp) với ông Phạm Thế A là hợp pháp.

Qua xem xét, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có đủ cơ sở xác định: HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA viết tay ngày 06/8/2018 (BL: 112-117) do bà Vũ Thị N ký tên với tư cách Giám đốc DNTN Đ Đlà bản hợp đồng nháp, bản hợp đồng dự thảo trước để hai bên cùng xem xét, bàn bạc và thống nhất trước khi ban hành bản Hợp đồng chính thức. Do đó, bản hợp đồng này không phải là giao dịch giữa DNTN Đ Đvới ông Phạm Thế A về việc sửa máy xúc công trình MP.

Vì vậy, việc Bà N căn cứ vào Hợp đồng sửa chữa ngày 06/8/2018 (BL: 112-117) để khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thế A trả lại số tiền đã chuyển để sửa chữa máy xúc là không có căn cứ.

*** Xét về Giấy nộp tiền ngày 08/8/2018 (BL 118)** thể hiện nội dung: *Bùi Thị N chuyển số tiền 110.000.000 đồng cho Phạm Thế A để mua phụ tùng + sửa máy xúc công trình MP* (giấp nộp tiền này do Ngân hàng Agribank phát hành, liên 2: khách hàng).

Bà N cho rằng đây là khoản tiền ứng trước cho ông TA để mua phụ tùng sửa chữa máy xúc công trình MP ký ngày 06/8/2018.

Ông TA cho rằng việc sửa chữa máy xúc công trình MP được thể hiện tại HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA ngày 19/8/2018 (BL 134-137) do DNTN Đ Đsoạn thảo, ông Phan Văn H, giám đốc ký hợp đồng với ông Phạm Thế A, tổng giá trị hợp đồng là 134.800.000 đồng; DNTN Đ Đmới chuyển trước 110 triệu vào ngày 08/8/2018 (theo Giấy nộp tiền ngày 08/8/2018 - BL118), số tiền còn lại và chi phí phát sinh DNTN Đ Đchưa thanh toán.

Qua đối chiếu xem xét các tài liệu, chứng cứ thấy rằng: Ngày 19/8/2018 DNTN Đ Đ do ông Phan Văn H đại diện ký Hợp đồng sửa chữa máy xúc PC200-7 với ông Phạm Thế A.

- Tại Điều 4 của hợp đồng ghi: *"Bên B có trách nhiệm hoàn tất công việc sửa chữa toàn bộ trong thời gian là: Ngày 08 tháng 8 đến khi bàn giao là ngày 20 tháng 8 năm 2018"*. Như vậy, thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng là 08/8/2018, phù hợp với Giấy nộp tiền 110.000.000 đồng.

- Tại phần I Điều 1 của hợp đồng thoả thuận những bộ phần cần sửa chữa phục hồi có tổng giá trị 27.300.000 đồng. Tại phần II và phần III Điều 1 của hợp đồng: ***Những bộ phận cần thay thế phụ tùng mới chính hãng Komatsu*** gồm: phớt bơm, gioang phớt ngăn kéo, gioang phớt quay toa, phớt trục trung tâm, séc măng van bù áp bơm + ngăn kéo, số phụ tùng này có tổng giá trị 44.500.000 đồng. ***Ruột bơm tổng cần thay thế: hàng chính hãng (hàng bãi)*** gồm: Sy lanh + mặt trà, chùm quả Riston+đĩa lỗ quả cầu, số phụ tùng này có giá trị 48.000.000 đồng.

Các nội dung về mua phụ tùng mới được thể hiện tại: Giấy xác nhận bán hàng của Công ty Cổ phần Tín Phú L(BL 78, 95); 03 Hoá đơn GTGT của Công ty Cổ phần Tín Phú L xuất cho người mua Vũ Thị N - DNTN Đ Đvào các ngày 24, 25, 27 tháng 8 năm 2018 (BL 75,76,77), tên phụ tùng, số lượng và đơn giá hoàn toàn phù hợp với Giấy xác nhận bán hàng.

Lời khai của ông Nguyễn Văn H (BL74), ông Nguyễn Văn H (BL72) thể hiện: Tháng 8/2018 ông H và ông H đã sửa chữa 01 máy xúc đào Komatsu PC200-7 của Công ty Đ Đgồm các bộ phận: Phần ngăn kéo: Gia công lại toàn bộ van và con suốt ngăn kéo; Phần bơm thủy lực: Thay thế xy lanh mặt chà 2 bộ, thay thế gối chao 2 bộ, thay thế pisston secvor 2 bộ, mạ lại 2 bộ ruột; Phần quay toa: Gia công lại xy lanh mặt chà và làm lại van; thay phớt bơm, phớt ngăn kéo, phớt quay toa, 2 bộ pisston bơm, 2 đĩa lỗ, bộ séc măng. Việc thay thế và sửa chữa đã được hoàn thiện, lắp ráp xong máy được đưa đến Công ty Đ Đ để Bà N cho người làm giám định về mặt kỹ thuật kiểm tra và sau đó Bà N tự ý thuê bên khác lắp lên máy.

Lợi khai của ông Lê Tấn D (BL 96, 214, 216) và ông Lê Minh T (BL 97, 212) thể hiện: khoảng cuối năm 2018, ông D, ông T được DNTN Đ Đnhờ kiểm tra kỹ thuật những bộ phận chi tiết của bơm thủy lực máy xúc Komatsu PC200-7, qua kiểm tra thì thấy bơm đã được bảo dưỡng và hoàn thiện, gioăng, phớt đều mới, 02 bộ ruột bơm là hàng cũ nhưng còn dùng tốt; bộ phận quay toa, bơm thủy lực đã được sửa chữa, bảo dưỡng hoạt động tốt nên lắp lại hoàn chỉnh và giao cho Công ty.

Như vậy, thời điểm ký hợp đồng, thời điểm chuyển - nhận tiền, thời điểm thực hiện việc sửa chữa máy, các bộ phận bị hư hỏng phải sửa chữa, thay thế hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ và lời khai người làm chứng. Do đó, có cơ sở khẳng định: vào tháng 8/2018 máy PC200-7 của DNTN Đ Đđang thi công công trình ở MP bị hỏng, ông Phạm Thế A đã thực hiện xong việc sửa chữa, khắc phục và thay thế phụ tùng như Hợp đồng sửa chữa ký ngày 19/8/2018.

Tại phiên toà phúc thẩm Bà N cho rằng, do ông Phạm Thế A không sửa chữa máy xúc PC200-7 công trình MP nên bà đã thuê ông K ở Lai Châu sửa máy, tuy nhiên hợp đồng sửa chữa ký với ông Khuê, giấy chuyển tiền thanh toán cho ông Khuê, Bà N không còn lưu giữ nên không thể cung cấp cho Toà án. Lời khai này của Bà N mâu thuẫn với lời khai của bà Ng"Ngoài chuyển tiền sửa chữa máy xúc cho ông Phạm Thế A, bà Ngkhông được chỉ đạo chuyển tiền cho đơn vị nào khác về việc sửa chữa máy".

Từ những phân tích nêu trên thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ; xem xét, đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện dẫn đến chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả tiền lãi suất cho nguyên đơn từ tháng 8/2018 đến tháng 6/2024 với số tiền 77.000.000đ cũng là **không đúng**, bởi giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn không phải là quan hệ vay tài sản, hợp đồng dịch vụ giữa hai bên không có điều khoản nào thoả thuận về việc chịu tiền lãi; mặt khác tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản thì nguyên đơn chỉ được quyền khởi kiện đòi lại số tiền nợ gốc, quá thời hiệu khởi kiện thì nguyên đơn không được đòi tiền lãi.

Việc Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ, không đúng pháp luật đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa bản án sơ thẩm.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn ông Phạm Thế A khai rằng bà Vũ Thị N còn nợ ông tiền sửa máy xúc ở N và MP từ năm 2018, ông A yêu cầu Toà án buộc Bà N phải trả. Tuy nhiên, ông A không thực hiện quyền phản tố; các yêu cầu này chưa được Toà án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết trong vụ án này nên kháng cáo của ông Phạm Thế A về việc: buộc bà Vũ Thị N thanh toán tiền công sửa chữa 02 máy xúc Komatsu PC002-7 và tiền công sửa máy Lu tĩnh trong N với số tiền là: 54.950.000 đồng; yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng tính từ tháng 9/2018 đến tháng 6/2025 là 45.059.000 đồng; đồng thời buộc Bà N thanh toán các chi phí trong thời gian tham gia tố tụng phục vụ việc khởi kiện của Bà N - là vượt quá phạm vi giải quyết của Toà án cấp phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự nên không xem xét. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Phạm Thế A rút kháng cáo đối với các nội dung này. Do đó HĐXX đình chỉ giải quyết đối với kháng cáo này.

[2.3] Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nhận thấy Toà án cấp sơ thẩm còn có một số thiếu sót trong quá trình giải quyết vụ án như Kiểm sát viên đã nêu trong bài phát biểu là đúng. Tuy nhiên, các tài liệu, thu thập có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ để cấp phúc xem xét giải quyết vụ án mà không cần thiết phải yêu cầu Toà án sơ thẩm xác minh, thu thập, đánh giá lại. Vì vậy, để đảm bảo việc giải quyết vụ án nhanh chóng, hiệu quả, không bị kéo dài, bảo vệ được quyền và lợi ích chính đáng của đương sự, không cần thiết phải huỷ bản án sơ thẩm, mà HĐXX phúc

thẩm chỉ sửa bản án sơ thẩm, đồng thời kiến nghị Toà án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm về những thiếu sót đó.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện VKSND tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn ông Phạm Thế A có căn cứ nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N không được chấp nhận nên căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% đối với toàn bộ số tiền khởi kiện không được chấp nhận, cụ thể: 187.000.000đ x 5% = 9.350.000 đồng (chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, Bà N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, miến án phí DS có giá ngạch cho bà Ngợi, trả lại cho Bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng t biên lai số: 0000252 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Thế A không phải chịu án phí phúc thẩm, trả lại cho ông Phạm Thế A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000384 ngày 01/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Thế A.

2. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2025/DS-ST ngày 10/6/2025 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là Toà án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên) như sau:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 235; Điều 264 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 513, 516, 517 và 520 của Bộ luật dân sự 2015;

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị N, Giám đốc Công ty TNHH Đ ĐĐiện Biên về việc yêu cầu ông Phạm Thế A phải hoàn trả toàn bộ số tiền ứng trước là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) và trả số tiền lãi là: 77.000.000đ (bảy mươi bảy triệu đồng) cho bà Ngợi.

3. Về án phí dân sự:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 16 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: bà Vũ Thị N thuộc diện người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử chấp nhận và miễn toàn bộ tiền án phí dân sự có giá ngạch cho bà Vũ Thị N. Trả lại cho bà Vũ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: 0000252 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Phạm Thế A không phải chịu án phí phúc thẩm. Trả lại cho ông Phạm Thế A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000384 ngày 01/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/9/2025).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND khu vực 2 – Điện Biên;
- VKSND khu vực 2 – Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu: HSVS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thị Hòa